

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI BÈ  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 25/4/2024  
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Đặng Thị Thảo Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Quách Trung Sơn

Ông Nguyễn Phước Tường

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Kim N**, sinh năm 1998 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh B.

*Bị đơn:* Anh **Nguyễn Phương Đ**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Kim N trình bày:* Chị và anh Nguyễn Phương Đ kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 09/2022, ngày 14/02/2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, chị và anh Đ sống ly thân từ năm 2022 đến nay, hiện tại tình cảm không còn, không thể tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Phương Đ đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của Chị N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đ, nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đ đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn. Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt Chị N, anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị N và anh Đ xác lập quan hệ hôn nhân năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 09/2022, ngày 14/02/2022 nên là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân Chị N yêu cầu ly hôn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Chị N cương quyết ly hôn, vì chị và anh Đ sống ly thân đã lâu, hiện tại chị không còn tình cảm với anh Đ, còn anh Đ đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu ly hôn của Chị N, điều này chứng tỏ anh Đ cũng không có thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, do đó yêu cầu ly hôn của Chị N là có cơ sở chấp nhận.

[3] Con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Chị N và anh Đ được quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Kim N.

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Phương Đ.

2. Án phí: Chị Phạm Thị Kim N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014892 ngày 22 tháng 01 năm 2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Phạm Thị Kim N đã thi hành xong phần án phí.

3. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cái Bè;
- CCTHADS Cái Bè;
- UBND xã Hậu Mỹ Bắc B, H. Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Thảo Lan**

